

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

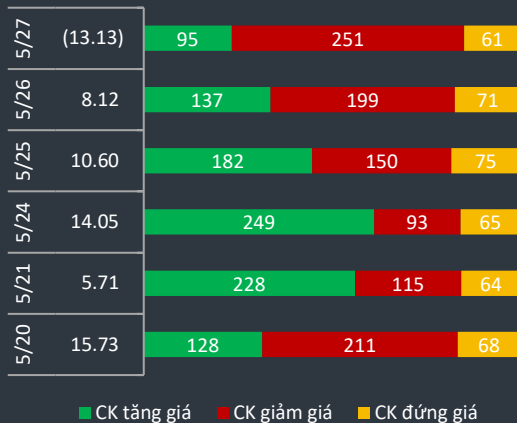
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

### Độ rộng thị trường



### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

PLX	136.0
THD	132.8
VNM	67.1
SHB	51.2
VCB	44.2
VRE	37.0
MSN	34.9
NVL	20.1
BVH	18.7
VIC	16.1
SAB	15.9
VGC	(7.3)
GAS	(7.9)
SHS	(29.5)
LPB	(38.4)
VHM	(48.7)
MBB	(52.1)
TPB	(71.8)
VPB	(82.4)
HPG	(156.3)

Thị trường sẽ còn tiếp tục lập kỷ lục mới và có thể vượt 1320 nếu như không có tin covid bùng phát tại TPHCM. Trước đó phiên sáng thị trường vẫn giao dịch rất sôi động và chỉ số index đang xanh hơn 3 điểm. Dù thị trường vẫn phân hóa mạnh nhưng dòng tiền vẫn dồi dào và liên tục đổ vào nhóm cổ phiếu ngân hàng. Tình hình chỉ xấu dần đi vào cuối giờ giao dịch buổi sáng và đến phiên chiều áp lực bán mạnh đã làm mọi thứ đảo lộn rất nhanh. Dù sao chỉ số Vnindex đã tăng hơn 6 phiên liên tiếp vì vậy tâm lý chung của nhiều nhà đầu tư ngắn hạn là chốt lãi để bảo vệ thành quả.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng vẫn chiếm tỷ trọng lớn với hơn 40% giá trị giao dịch trong ngày. Nhiều mã ngân hàng tăng tốc trong ngày như STB, LPB, NVB, ABB, EIB, OCB ... Cú đảo chiều làm nhiều cổ phiếu chao đảo một chút nhưng nhiều mã ngân hàng vẫn đứng vững và dòng tiền lớn lại đổ vào mua đỡ ở giá thấp giữ đà tăng đến cuối phiên.

Khối ngoại trong ngày mua ròng 252 tỷ đồng trong đó nhiều nhất là PLX (136 tỷ) và THD (132 tỷ). Phía ròng ghi nhận nhóm HPG (-156 tỷ) và các mã ngân hàng như VPB, TPB, MBB.

POW chuẩn bị ĐHCĐ trong ngày với nhiều nội dung quan trọng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục có nhiều yếu tố khả quan. Trong tháng 4/2021, tổng sản lượng từ các nhà máy điện của PV Power ước đạt 1.765,2 triệu kWh tăng trưởng hơn so với tháng 3/202, tính chung 4 tháng ước đạt 6.405 triệu kWh. Doanh thu toàn Tổng công ty trong tháng 4 ước đạt 2.871,2 tỷ đồng, tính chung 4 tháng ước đạt 10.212,8 tỷ đồng.

POW đang thúc đẩy mạnh mẽ công tác đầu tư. Cụ thể, Ban Quản lý dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4 tiếp tục xem xét lựa chọn nhà thầu các gói thầu EPC. Cùng với đó, tiếp tục thực hiện công tác thu xếp vốn, đàm phán hợp đồng mua bán khí và hợp đồng mua bán điện cho dự án.

Trong tháng 4 vừa qua, PV Power đã có buổi làm việc với UBND tỉnh Cà Mau và kiến nghị lãnh đạo tỉnh Cà Mau xem xét giao mặt bằng khu đất tại xã Khánh An, diện tích khoảng 26 ha để đơn vị triển khai dự án Nhà máy điện Cà Mau 3.

Vnindex 1,303.57

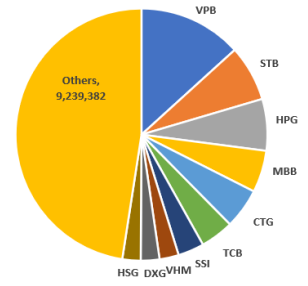
▼ -13.13 (-1%)

## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
PDR	77.5	2,700	3.61
NVL	136.0	2,500	1.87
GVR	27.9	400	1.46
VIB	63.8	800	1.27
BVH	56.1	600	1.08
STB	29.8	300	1.02
REE	59.2	100	0.17
POW	11.7	-	-
DHG	95.0	-	-
VJC	113.0	-	-
PNJ	101.6	(200)	(0.20)
VPB	67.3	(300)	(0.44)
SAB	163.0	(800)	(0.49)
VNM	90.5	(500)	(0.55)
ACB	38.2	(250)	(0.65)
VIC	120.3	(1,400)	(1.15)
VHM	104.4	(1,300)	(1.23)
HPG	66.8	(1,000)	(1.47)
HVN	26.1	(400)	(1.51)
FPT	93.8	(1,500)	(1.57)
VRE	30.8	(500)	(1.60)
VCB	98.7	(1,700)	(1.69)
MWG	142.4	(2,500)	(1.73)
GAS	80.1	(1,800)	(2.20)
TPB	35.1	(850)	(2.36)
HDB	32.0	(800)	(2.44)
CTG	50.2	(1,300)	(2.52)
PLX	53.9	(1,400)	(2.53)
TCB	51.4	(1,400)	(2.65)
MBB	36.5	(1,000)	(2.67)
BID	45.4	(1,250)	(2.68)
MSN	110.0	(3,600)	(3.17)
SSI	39.6	(1,350)	(3.30)
BCM	53.5	(1,900)	(3.43)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Thị trường đã có phiên điều chỉnh cần thiết sau chuỗi tăng liên tiếp hơn 6 phiên liên tục. Sự kiện bùng phát Covid tại TPHCM có lẽ chỉ là một phần nguyên nhân mà sâu xa hơn là nhà đầu tư cũng muốn tận dụng chốt lãi an toàn sau khi chuỗi tăng điểm vừa qua. Động lực chung của thị trường vẫn mạnh và tiền vẫn dồi dào bằng chứng là chỉ số Vnindex chỉ điều chỉnh ở mức vừa phải cho thấy nhà đầu tư không bán quyết liệt và ngay trong phiên dòng tiền lớn vẫn chờ mua vào khá mạnh ở nhiều cổ phiếu. Tâm điểm đầu tư vẫn là cổ phiếu ngân hàng từ những cổ phiếu nhỏ như NVB, ABB, EIB cho đến nhóm trụ tăng trưởng như STB, OCB, LPB, CTG, MBB, TCB, VPB, ACB.

Thị trường có thể không điều chỉnh quá sâu vì vậy nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng các nhịp giảm trong phiên để tích lũy trở lại. Chúng tôi vẫn ưu tiên nhóm ngân hàng bên cạnh các cổ phiếu đầu ngành như MWG, DGW, SZC, GVR, HPG, FPT, VND, SSI.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	31.3	1.3	17	23	Nắm giữ. Mục tiêu 37	3/3/2021	64.7%
CTG	50.2	2.7	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 57	2/3/2021	43.8%
OCB	27.2		18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 32	2/3/2021	29.5%
HPG	66.8	0.3	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 80	2/3/2021	59.0%
MWG	142.4	(5.1)	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	11.7%
STB	29.8	1.4	15	22	Nắm giữ. Mục tiêu 34	2/3/2021	65.6%
DIG	31.0	12.3	30	38	Nắm giữ. Mục tiêu 35	3/22/2021	5.1%
D2D	51.0	0.2	52	65	Mua quanh 52-53. Mục tiêu 65	5/4/2021	-1.9%
SZC	36.0	11.8	32	44	Mua quanh 33-34. Mục tiêu 40	5/4/2021	7.5%
PET	20.7	4.5	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	5.1%
KBC	33.1	7.8	32	46	Nắm giữ	5/4/2021	-10.5%
PNJ	96.0	2.3	75	90	Chốt lãi	2/3/2021	15.8%
MBB	36.5	5.8	20	27	Chốt lãi	2/3/2021	50.2%
FPT	93.8	(1.8)	55	75	Chốt lãi	2/3/2021	34.0%
VPB	67.3	0.7	30	40	Chốt lãi	2/3/2021	89.6%
HSG	40.3	5.9	18	28	Chốt lãi	2/3/2021	68.6%
DGW	130.0	(4.0)	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

Chốt lời

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE

DAH	2.51
GMC	2.60
DIG	2.65
FTS	3.35
DXG	3.45
HVH	3.50
PDR	3.61
TSC	3.87
FIT	4.09
VPS	4.10
DCL	4.64
KDH	5.12
HAX	6.40
MHC	6.56
SCS	6.98
EIB	6.98
KMR	7.00

## Top tăng giá HNX

DBT	1.59
DS3	1.59
APS	1.83
IDV	2.06
PTS	2.17
VTJ	2.44
NTP	2.74
PVL	2.78
TTZ	3.23
NDN	3.56
L18	4.17
VCG	4.35
TVC	5.38
TFC	6.25
DNM	7.11
LAS	7.55
DZM	8.70
WSS	9.21
KVC	9.38
NVB	9.39
HBS	9.86

**POW** - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP - Dự kiến tổng sản lượng điện sản xuất năm 2021 sẽ đạt 18.7 tỷ kWh. Doanh thu và và lãi sau thuế trên 28.4 ngàn tỷ đồng và 1,325 tỷ đồng. Lưu ý rằng, kế hoạch này xây dựng dựa trên cơ sở giá dầu 45 USD/thùng và tỷ giá 1 USD = 23,500 đồng.

**TCL** - CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng - Năm 2021, Công ty đặt chỉ tiêu kinh doanh với tổng doanh thu 1.176 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 109,5 tỷ đồng, lần lượt tăng 7% và 6% so với thực hiện năm ngoái. Tỷ lệ cổ tức dự kiến 22% trên vốn điều lệ.

**DXG** - CTCP Tập đoàn Đất Xanh – Đã thông qua chủ trương mua 150 triệu cổ phần của CTCP Hội An Invest với giá 10.000 đồng/cổ phần. Dự kiến giao dịch thành công, DXG sẽ nắm giữ gần 250 triệu cổ phần của Hội An Invest, tương ứng tỷ lệ sở hữu xấp xỉ 100%.

**BCG** - CTCP Bamboo Capital - Ngày 25/5, HĐQT đã thông qua việc triển khai phương án trả cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 10%. Trong đó, cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 8%. Ngày chốt danh sách cổ đông dự kiến trong tháng 7/2021 và thanh toán bắt từ ngày 29/7/2021. Cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2%, tương đương phát hành thêm hơn 4,06 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

**PSH** - CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu - Ngày 09/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 10/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 1,5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/7/2021.

**C32** - CTCP CIC39 - Ngày 18/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức còn lại năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 21/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/7/2021.

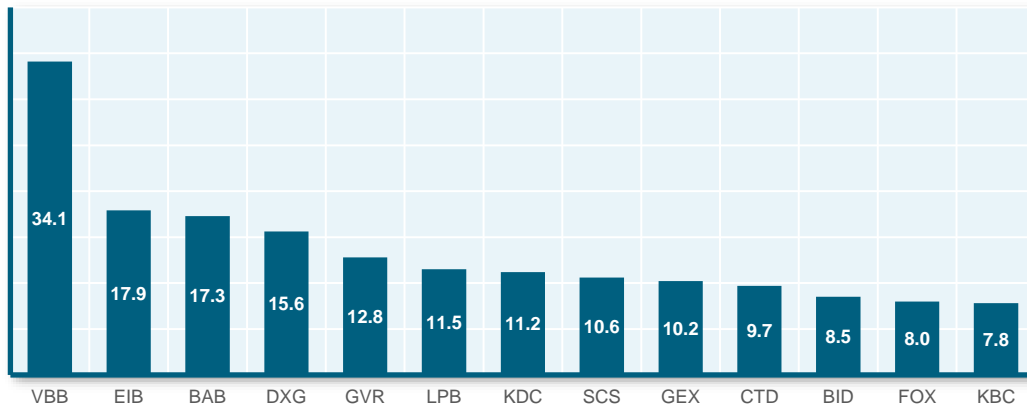
**TCB** - Đã thông qua việc triển khai phát hành hơn 6 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Số cổ phiếu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm.

**PGI** - Tổng CTCP Bảo hiểm Petrolimex - Ngày 10/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức còn lại năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 11/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 2%, thanh toán bắt đầu từ ngày 28/6/2021.

**MCH** - CTCP Hàng tiêu dùng Masan - Ngày 2/6 tới sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 45%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận về 4.500 đồng. Như vậy, với gần 708,8 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Masan Consumer dự kiến phải chi khoảng 3.190 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Thời gian thanh toán cổ tức từ ngày 14/6/2021.



## Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



## Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	21.5	10,970,976	9.7	1.3	-	-	12,283	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	38.2	9,551,700	8.6	2.2	2,700	-	82,572	30.00	4,419	17,547
BAB	HNX	29.1	454,151	31.0	2.4	2,800	1,000	20,617	-	939	12,064
BID	HOSE	45.4	5,862,300	21.6	2.2	194,300	336,500	182,600	16.66	2,103	20,453
CTG	HOSE	50.2	19,716,800	10.5	2.0	511,000	259,400	186,915	25.27	4,761	24,665
EIB	HOSE	30.7	2,158,500	43.1	2.2	1,600	4,800	37,682	29.83	713	13,822
HDB	HOSE	32.0	6,586,700	7.9	1.9	562,000	769,700	51,001	17.71	4,066	16,572
LPB	UPCOM	26.2	31,002,700	11.7	1.9	78,400	1,542,900	28,156	4.22	2,239	14,059
MBB	HOSE	36.5	28,188,800	9.3	1.9	676,500	2,082,400	102,155	22.55	3,912	19,196
MSB	HOSE	25.7	11,178,900	10.6	1.7	4,100	-	29,735	30.00	2,436	15,368
NVB	HNX	19.8	15,019,172		1.9	52,500	25,800	8,055	8.73	27	10,532
OCB	HOSE	27.2	8,960,900	8.1	1.6	133,600	151,700	29,809	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	29.5	22,301,945	14.7	2.0	1,732,000	4,201	56,804	3.63	2,013	14,631
SSB	HOSE	37.1	2,077,400	27.9	3.2	-	-	44,784	-	1,331	11,769
STB	HOSE	29.8	46,751,500	19.9	1.8	978,800	953,200	53,749	11.95	1,495	16,485
TCB	HOSE	51.4	15,941,600	12.6	2.3	1,208,400	1,208,400	180,152	23.00	4,074	22,566
TPB	HOSE	35.1	7,594,100	8.1	2.0	1,000,000	3,010,000	37,616	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	98.7	1,455,000	17.3	3.6	664,700	218,900	366,066	23.29	5,708	27,234
VIB	HOSE	63.8	1,727,700	12.0	3.7	11,600	102,800	70,779	21.00	5,297	17,420
VPB	HOSE	67.3	38,641,900	14.5	3.0	-	1,232,400	165,205	15.00	4,628	22,811
			<b>286,142,744</b>	<b>15.74</b>	<b>2.24</b>	<b>7,815,000</b>	<b>11,904,101</b>	<b>1,746,732</b>		<b>3,004</b>	<b>17,388</b>

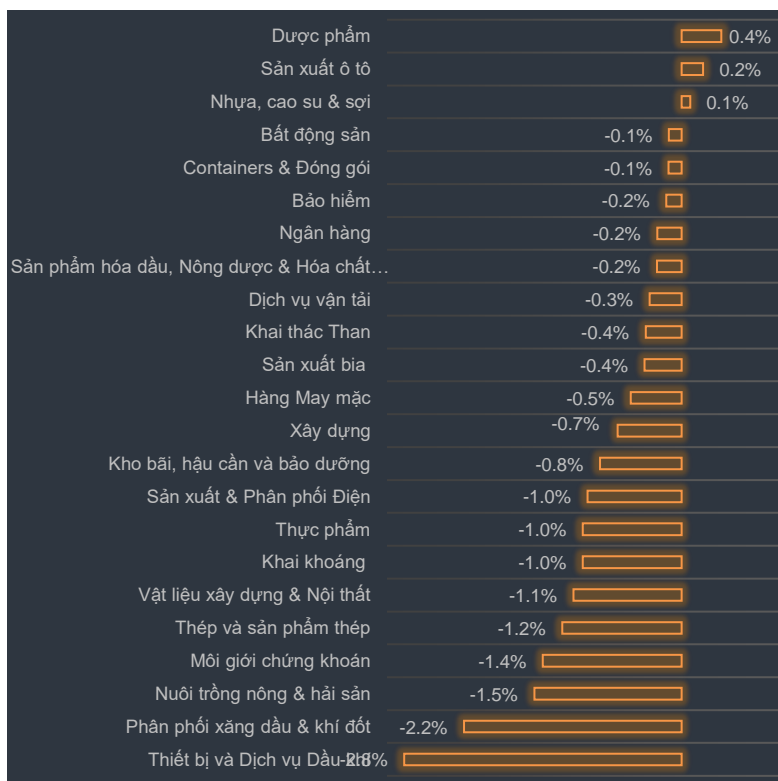




### Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	MLS	UPCoM	15/06/2021	16/06/2021	15/07/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	DBM	UPCoM	14/06/2021	15/06/2021	25/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	CDH	UPCoM	9/6/2021	10/6/2021	23/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	CST	UPCoM	9/6/2021	10/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	HPT	UPCoM	7/6/2021	8/6/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	DRC	HOSE	7/6/2021	8/6/2021	28/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	SIV	UPCoM	4/6/2021	7/6/2021	21/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SMC	HOSE	3/6/2021	4/6/2021	18/05/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	L10	HOSE	3/6/2021	4/6/2021	25/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	NDC	UPCoM	3/6/2021	4/6/2021	23/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	GVT	UPCoM	3/6/2021	4/6/2021	22/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 3,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	CDG	UPCoM	2/6/2021	3/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HPP	UPCoM	2/6/2021	3/6/2021	29/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	CLW	HOSE	2/6/2021	3/6/2021	19/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	TC6	HNX	1/6/2021	2/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	PLC	HNX	1/6/2021	2/6/2021	17/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	FPT	HOSE	1/6/2021	2/6/2021	16/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	FPT	HOSE	1/6/2021	2/6/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
19	CMD	UPCoM	1/6/2021	2/6/2021	15/06/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HTC	HNX	1/6/2021	2/6/2021	18/06/2021	Trả cổ tức đợt 5/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	HFB	UPCoM	1/6/2021	2/6/2021	22/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 550 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	RTS	UPCoM	31/05/2021	1/6/2021	17/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	HPG	HOSE	31/05/2021	1/6/2021	11/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	HPG	HOSE	31/05/2021	1/6/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
25	UIC	HOSE	28/05/2021	31/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	DTT	HOSE	28/05/2021	31/05/2021	20/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	DPC	HNX	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	PGC	HOSE	28/05/2021	31/05/2021	25/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

# Tăng giảm ngành trong ngày



## Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

**Bất động sản:** KDH, PDR, NDN

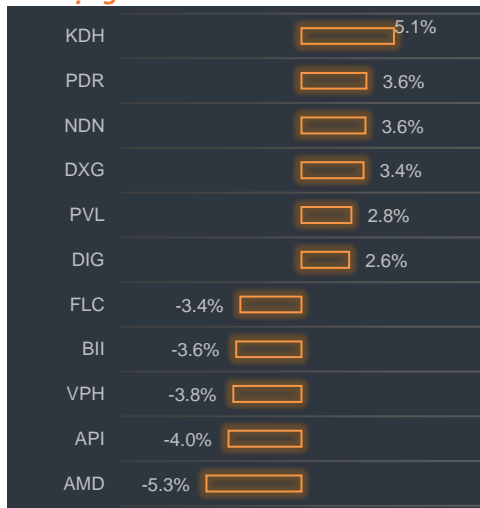
**Xây dựng:** SIC, PTC, VCG

**Dầu khí:** TDG, PGD, PMG

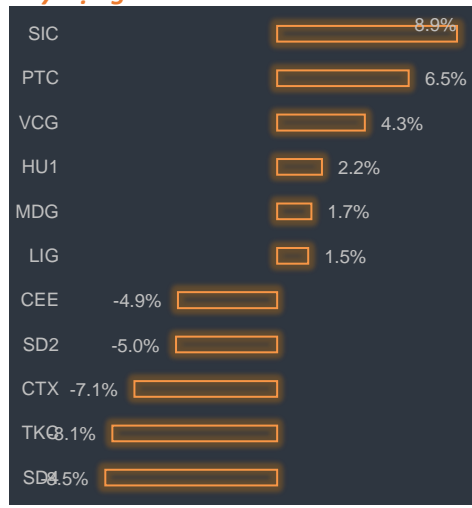
**Chứng khoán:** HBS, WSS, FTS

**Ngân hàng:** NVB, ABB, EIB

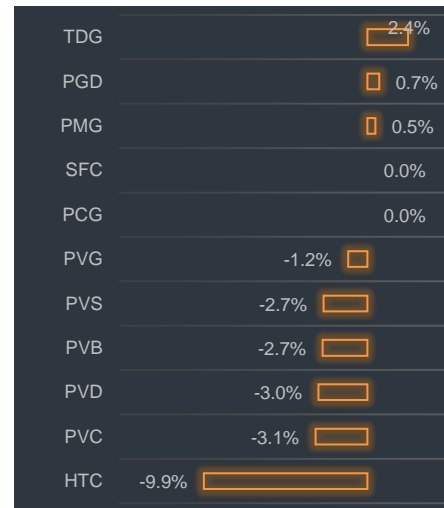
### Bất động sản



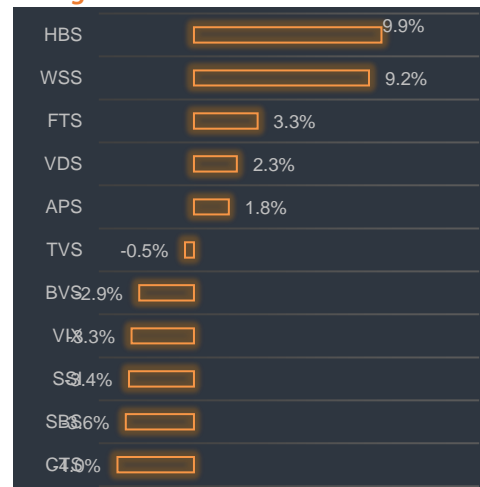
### Xây dựng



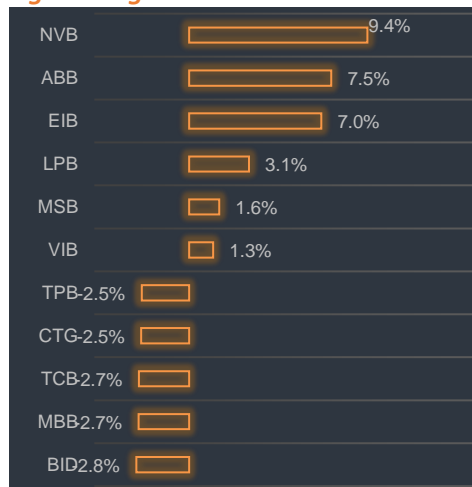
### Dầu khí



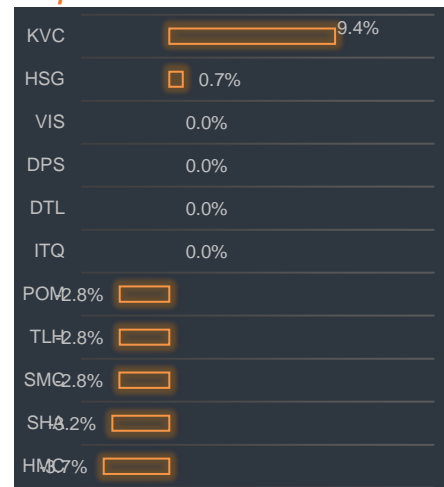
### Chứng khoán



### Ngân hàng



### Thép



## Tổng hợp kế hoạch kinh doanh nhóm ngân hàng

Cổ phiếu	Kế hoạch 2021	VDL (tỷ VND)	LN 2020 (tỷ VND)	EPS	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi Nhuận 2020.Q1	yoy
<b>BID</b>	Tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, dự kiến tăng trưởng 12%-15%. Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2021 của BIDV dự kiến tăng trưởng 10%-12%; tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến đạt 13.000 tỷ đồng, tăng hơn 40% so với năm 2020. Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12,2%	40,220	9,026	2,137	3,250	1,814	79%
<b>CTG</b>	Kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng 6-12%, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư phù hợp với sử dụng vốn dự kiến 8-12%. năm 2021, Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận từ 10 - 20%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. VietinBank lấy ý kiến cổ đông tăng vốn điều lệ lên 48.000 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ gần 28,8%	37,234	17,085	4,640	7,500	2,974	152%
<b>VCB</b>	Vietcombank được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 10,5% và có thể tăng khoảng 14%, cao nhất trong khối ngân hàng quốc doanh (chỉ khoảng 6 - 7,5%). Kế hoạch LN trước thuế năm 2021 khoảng 25,200 tỷ	37,089	23,050	5,354	7,000	5,223	34%
<b>TCB</b>	Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm nay là 19.800 tỷ đồng, tăng 25,3% so với kết quả năm 2020. Dư nợ tín dụng dự kiến đạt gần 356.200 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 12%. Giá trị huy động vốn (bao gồm chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng cá nhân) dự kiến đạt 334.291 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 14,7%.	35,049	15,800	4,264	6,000	3,121	92%
<b>MBB</b>	Năm 2021, MB đặt mục tiêu tăng lợi nhuận 25 – 30%, tương đương 14.610 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ tại thời điểm cuối quý 1 khoảng 1,14%, so với mức 1,46% cùng kỳ. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu gần 150% (tức là 100 đồng nợ xấu thì ngân hàng dự phòng gần 150 đồng).	27,988	10,688	3,742	4,600	2,196	109%
<b>VPB</b>	Thương vụ thoái vốn khỏi FE Credit của VPBank có thể được hoàn thành trong nửa đầu trong năm 2021 với mức định giá cổ phiếu vào khoảng 3 - 4 lần giá trị sổ sách. Việc bán 49% vốn tại FE Credit sẽ mang về khoản lãi sau thuế 21.000 tỷ đồng. Số tiền này không được ghi nhận như một khoản thu nhập trong kết quả kinh doanh nhưng sẽ làm gia tăng nguồn vốn tự có và giảm chi phí vốn bình quân cho VPBank.	25,300	13,019	4,461	4,000	2,911	37%
<b>ACB</b>	ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 9% và tăng vốn điều lệ lên 27.019 tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. tổng tài sản tăng 10%, tiền gửi khách hàng và tín dụng đều tăng 9%. Lợi nhuận sau thuế dự kiến là 8.482 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.	21,616	9,596	3,986	3,100	1,925	61%

<b>HDB</b>	HDBank (HDB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 7.281 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước. Tổng tài sản dự kiến tăng 25% đạt 399.320 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng tăng 26% đạt 236.758 tỷ đồng, và tổng huy động vốn tăng 25% lên 359.851 tỷ đồng. Ngân hàng cũng trình kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm hơn 4.200 qua chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Ngân hàng sẽ trình xin ý kiến các cổ đông về việc chấm dứt việc sáp nhập với PGBank	16,088	5,818	3,042	1,550	1,251	24%
<b>SSB</b>	SeABank (SSB) đặt mục tiêu lãi trước thuế 2.414 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản đến cuối năm lên kế hoạch tăng 10%, đạt 198.229 tỷ đồng. Huy động tiền gửi của khách hàng ở mức 124.277 tỷ đồng, dư nợ cho vay khách 122.978 tỷ đồng, lần lượt tăng 9,7% và 13%. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến duy trì dưới 3%.	12,087	1,729	1,402	698	309	126%
<b>MSB</b>	kế hoạch kinh doanh năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt 3.280 tỷ đồng, tăng 30%. Tổng tài sản tính đến cuối năm 2021 mục tiêu đạt 190.000 tỷ đồng, tăng 8%. Trong đó, dư nợ tín dụng đạt 106.208 tỷ đồng, tăng 125%. Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn đạt 114.105 tỷ đồng, tăng 15%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.	11,750	2,523	2,338	1,200	290	314%
<b>VIB</b>	VIB đặt kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản 26%, đưa tài sản của ngân hàng lên trên 300.000 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng lên 225.000 tỷ đồng, tương đương 31%. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 29%, lên trên 7.500 tỷ đồng. VIB dự kiến tăng vốn bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu 40% và dự kiến phát hành chào bán cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau các phương án tăng vốn này là khoảng 16.000 tỷ đồng,	11,094	5,803	4,706	1,800	1,075	67%
<b>OCB</b>	Ngân hàng xác định mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản khoảng 25% và lợi nhuận tăng 30% khoảng trên 5700 tỷ. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 20%. Tiếp tục bán vốn cho NĐTNN. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại OCB là 20,13% trong khi room ngoại của ngân hàng đang được khoá ở ngưỡng 22%.	10,959	4,419	3,349	1,275	1,107	15%
<b>TPB</b>	TPBank (HoSE: TPB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 5.500 tỷ đồng, tăng 25% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản lên kế hoạch tăng 21% ở mức 250.000 tỷ đồng. Tổng huy động đặt mục tiêu tăng 20% lên 221.893 tỷ đồng. Dự nợ cho vay và trái phiếu tổ chức kinh tế lên mục tiêu tăng 25% lên 165.434 tỷ đồng, tùy thuộc vào mức Ngân hàng Nhà nước cho phép. Tỷ lệ nợ xấu kế hoạch duy trì dưới 2%.	10,717	4,389	3,568	1,400	1,009	39%

EPS: Cập nhật đến Q1.2021





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931